



BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 2 NĂM 2016
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

HÀ NỘI, THÁNG 3/2016

MỤC LỤC

I. Diễn biến tài nguyên nước dưới đất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	3
I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	3
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	5
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố.....	7
II.1. Thành phố Đà Nẵng	7
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh).....	7
II.2. Tỉnh Quảng Nam	8
II.2.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)	8
II.2.3. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	10
II.3. Tỉnh Quảng Ngãi	11
II.3.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)	11
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	13

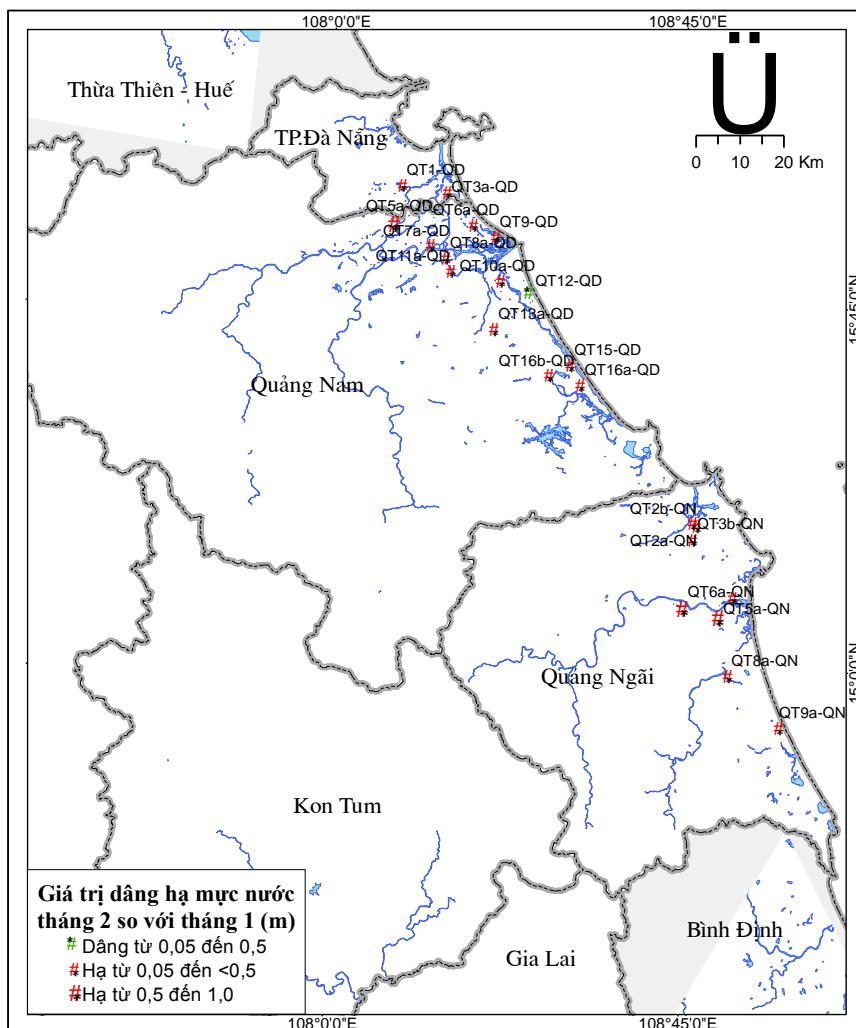
Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ hiện có 41 công trình quan trắc, trong vùng có 3 tầng chứa nước lỗ hổng và 2 tầng chứa nước khe nứt tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất năm 2015 và 2016, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích, đánh giá để dự báo mực nước tháng 3 và tháng 4 năm 2016 cho tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocene (qh) và tầng chứa nước Pleistocene (qp). Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Diễn biến tài nguyên nước dưới đất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 2 so với mực nước trung bình tháng 1 nhìn chung có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,64m tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (QT5a-QD). Giá trị dâng cao nhất là 0,33m tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (QT12-QD).

Trong tháng 2: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,97m tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (QT9a-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,45m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (QT2b-QN).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qh

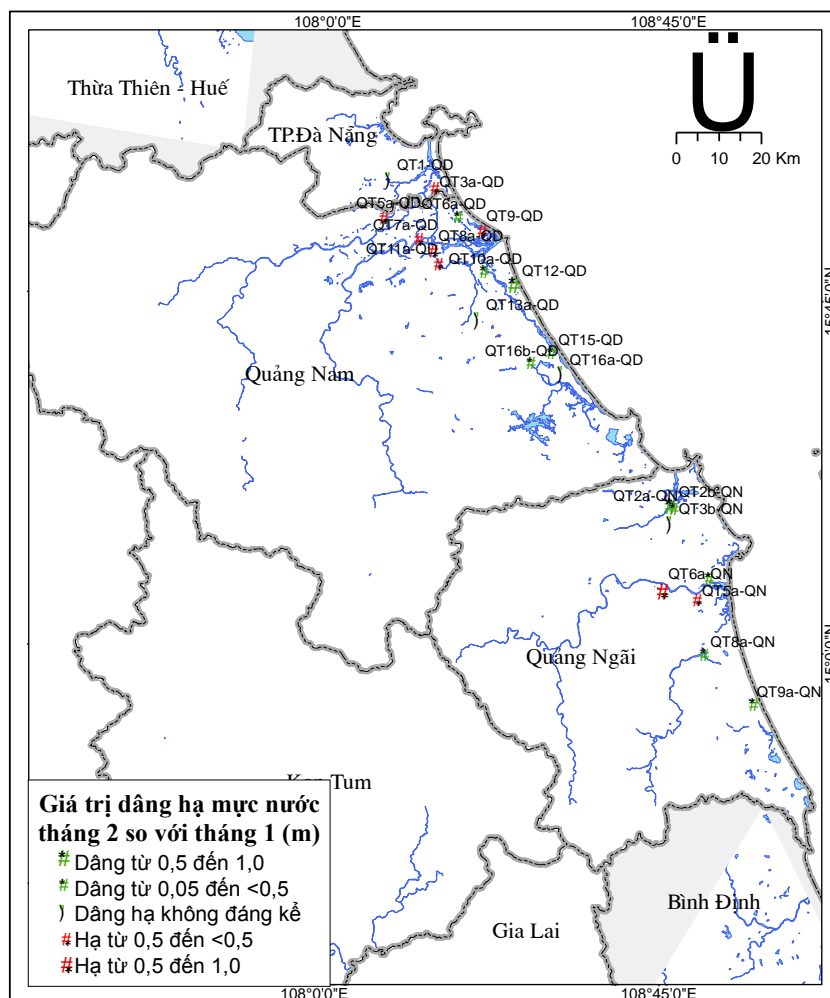
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 2 so với cùng thời điểm 1 năm trước được thể hiện chi tiết trong bảng 1, 2 và hình 2.

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 2	5,97	xã Phổ An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9a-QN)	0,45	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi (QT2b-QN)
1 năm trước (2015)	6,14	xã Phổ An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9a-QN)	0,93	TT. Hà Lam, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT13a-QD)

Bảng 2. Diễn biến mực nước TB tháng 2 so với cùng thời điểm năm trước (m)

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Dâng	0,52	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi (QT6a-QN)	0,93	xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT12-QD)

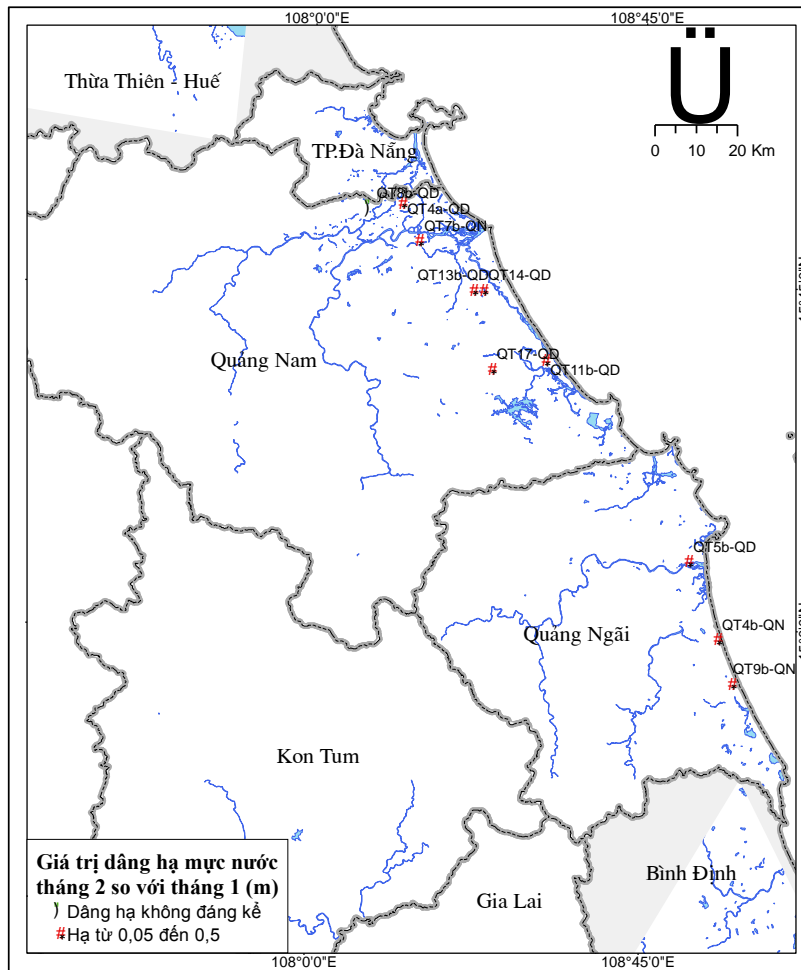


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 so với cùng kỳ năm trước

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 2 so với mực nước trung bình tháng 1 nhìn chung có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,31m tại xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (QT4a-QD).

Trong tháng 2: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,98m tại xã Phở An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9b-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,65m tại xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT14-QD)



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qp

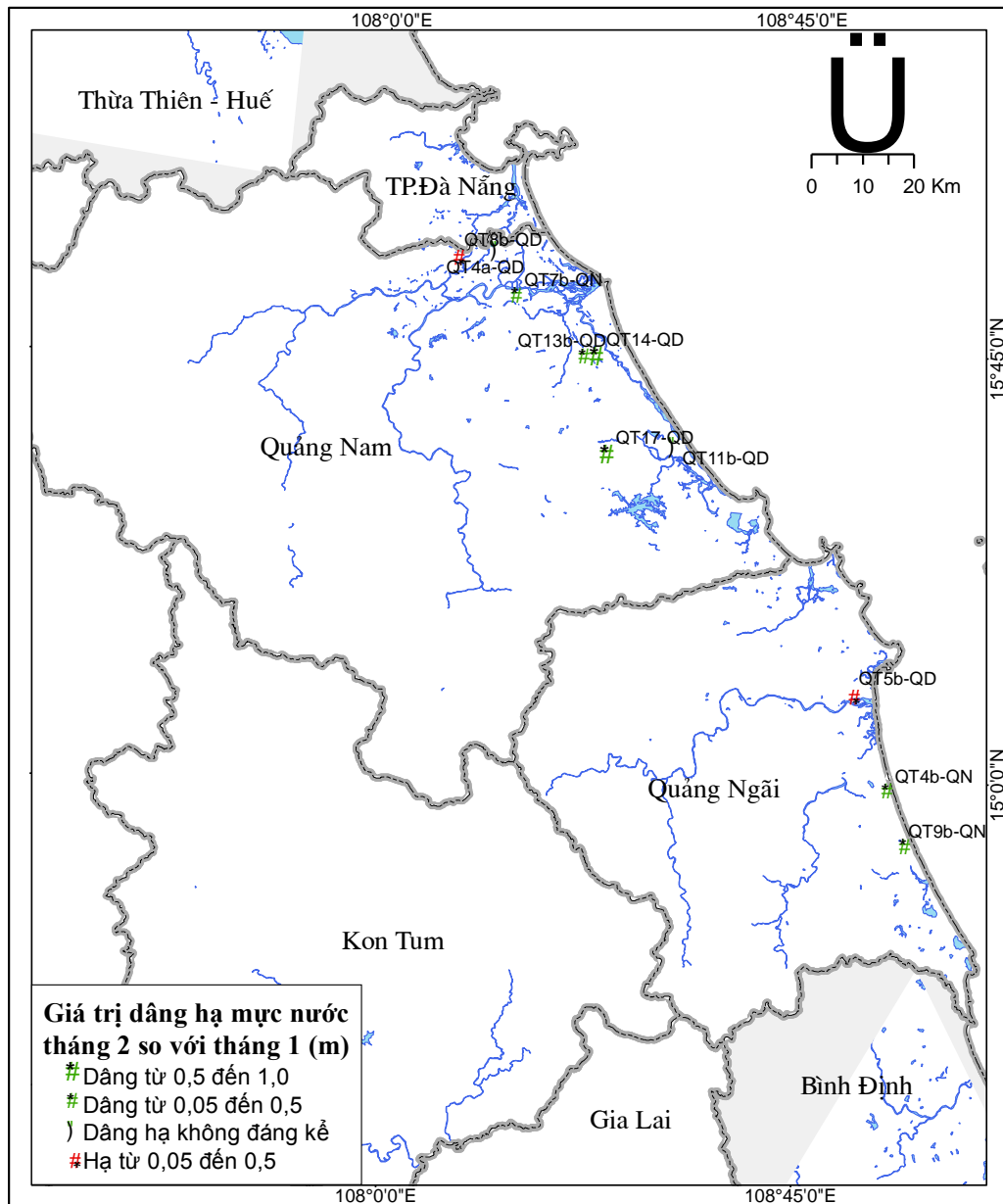
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 2 so với cùng thời điểm 1 năm trước được thể hiện chi tiết trong bảng 3, 4 và hình 4

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 2	5,98	xã Phở An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9b-QN)	0,65	xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT14-QD)
1 năm trước (2015)	6,16	xã Phở An, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi (QT9b-QN)	1,20	xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (QT14-QD)

Bảng 4. Diễn biến mực nước TB tháng 2 so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Dâng	0,20	xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, Quảng Nam (QT8b-QD)	0,58	xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, Quảng Nam (QT17-QD)



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 so với cùng kỳ năm trước

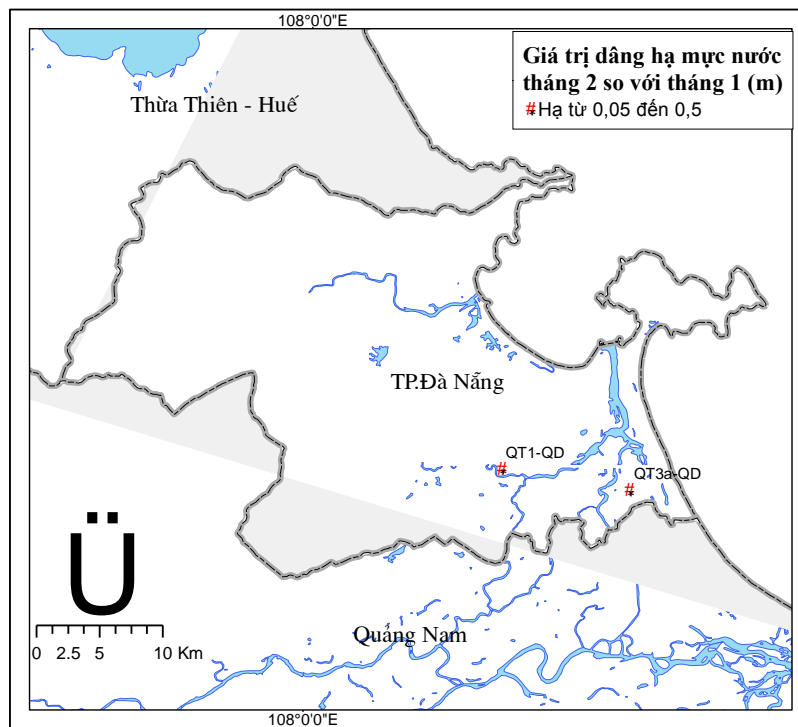
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố

II.1. Thành phố Đà Nẵng

II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

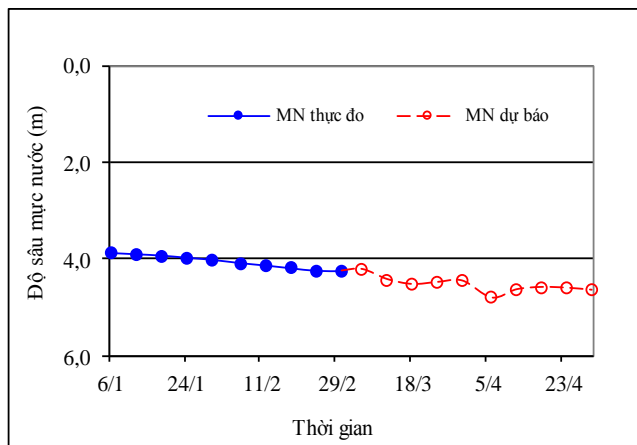
Trong phạm vi thành phố, mực nước dưới đất tháng 2 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 1. Giá trị hạ thấp nhất là 0,24m tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,16m tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,40m tại phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD).

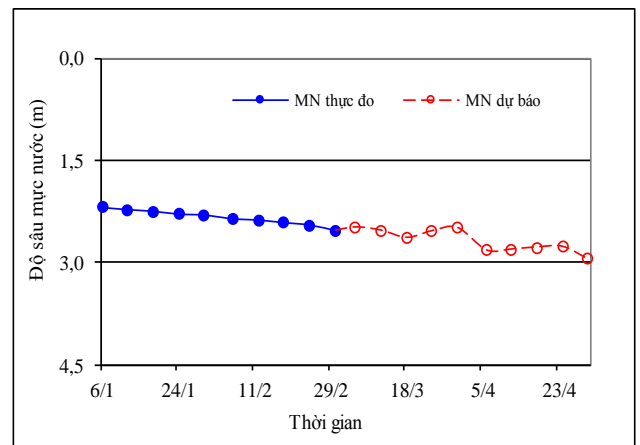


Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qh

Dự báo: Trong tháng 3, 4 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước một số điểm đặc trưng (xem hình 6 và bảng 5).



a) phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD)



b) Phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD)

Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tháng 3,4 tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

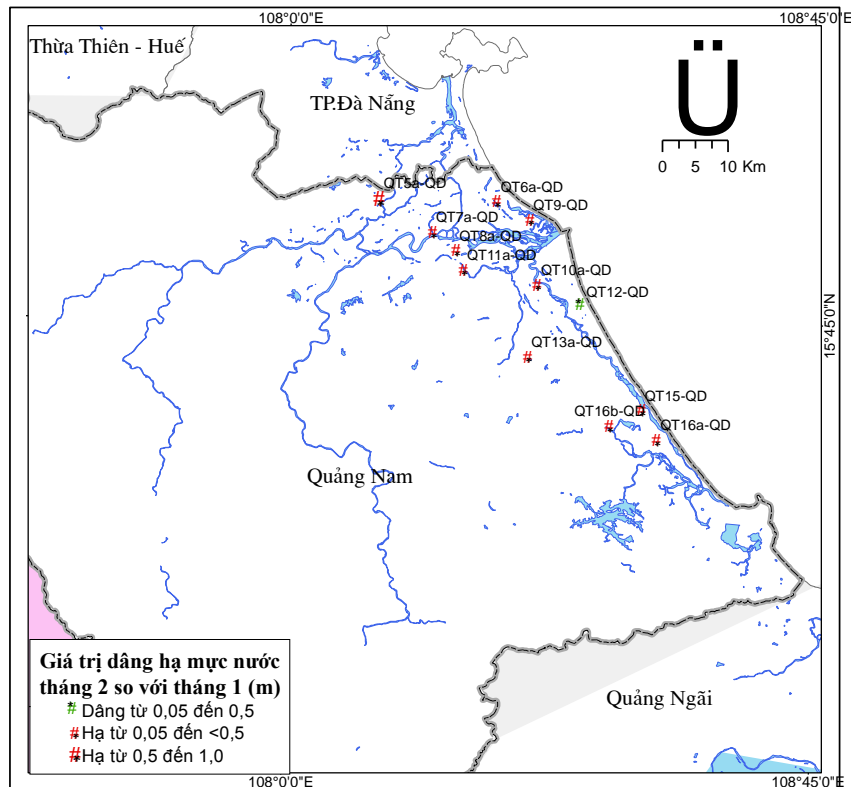
Ngày	phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn (QT3a-QD)			Phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà (QT1-QD)		
	Mức nước thực đo tháng 2	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 2	Mức nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	4,08	4,22	4,79	2,36	2,48	2,83
12	4,13	4,42	4,63	2,38	2,53	2,81
18	4,19	4,52	4,58	2,42	2,64	2,78
24	4,24	4,48	4,60	2,45	2,54	2,77
30		4,45	4,64		2,49	2,96
TB	4,16	4,42	4,65	2,40	2,54	2,83

II.2. Tỉnh Quảng Nam

II.2.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

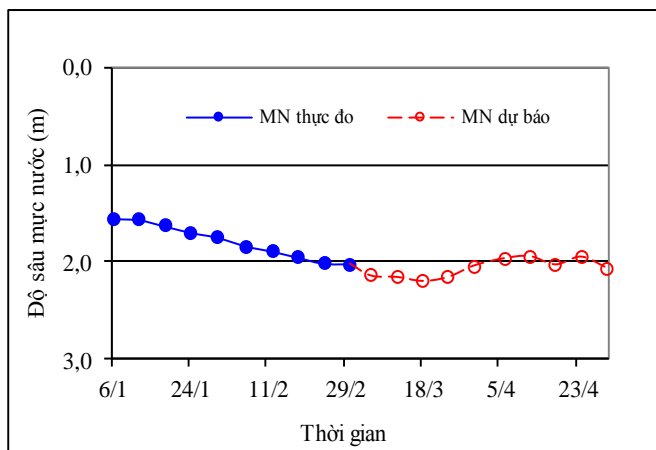
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 2 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 1. Giá trị hạ thấp nhất là 0,64m tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc (QT5a-QD) và chỉ có một công trình có mực nước dâng với giá trị là 0,33m tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình (QT12-QD).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,02m tại xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên (QT11a-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,97m tại TT. Hà Lam, huyện Thăng Bình (QT13a-QD).

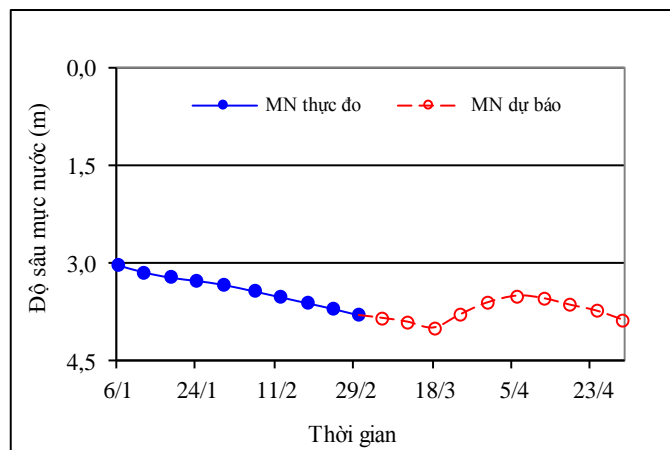


Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qh

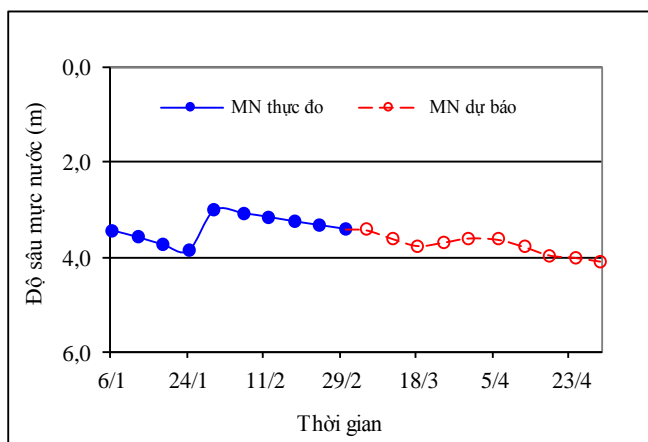
Dự báo: Trong tháng 3,4 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 8 và bảng 6).



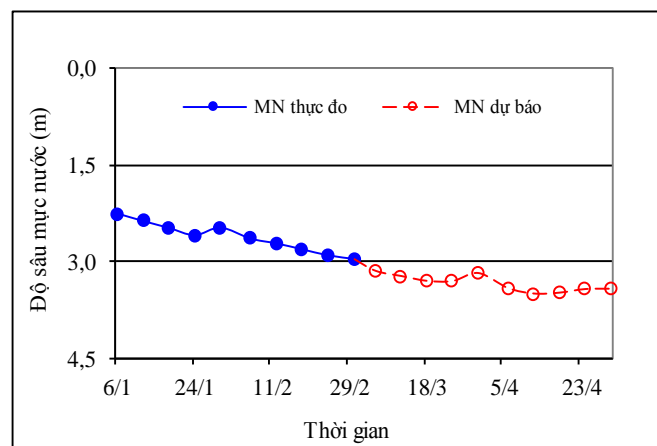
a) xã Điện Dương, huyện Điện Bàn (QT6a-QD)



b) xã Điện Phong, huyện Điện Bàn (QT8a-QD)



c) xã Bình Minh, huyện Thăng Bình (QT12-QD)



d) xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT16a-QD)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tháng 3, 4 tăng qh

Bảng 6. Độ sâu mực nước tăng qh (m)

Ngày	xã Điện Dương, huyện Điện Bàn (QT6a-QD)			xã Điện Phong, huyện Điện Bàn (QT8a-QD)		
	Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	1,84	2,15	1,97	3,44	3,85	3,51
12	1,89	2,16	1,95	3,53	3,91	3,55
18	1,96	2,20	2,03	3,62	4,00	3,65
24	2,02	2,16	1,96	3,71	3,80	3,74
30		2,04	2,07		3,62	3,88
TB	1,93	2,14	2,00	3,58	3,84	3,67

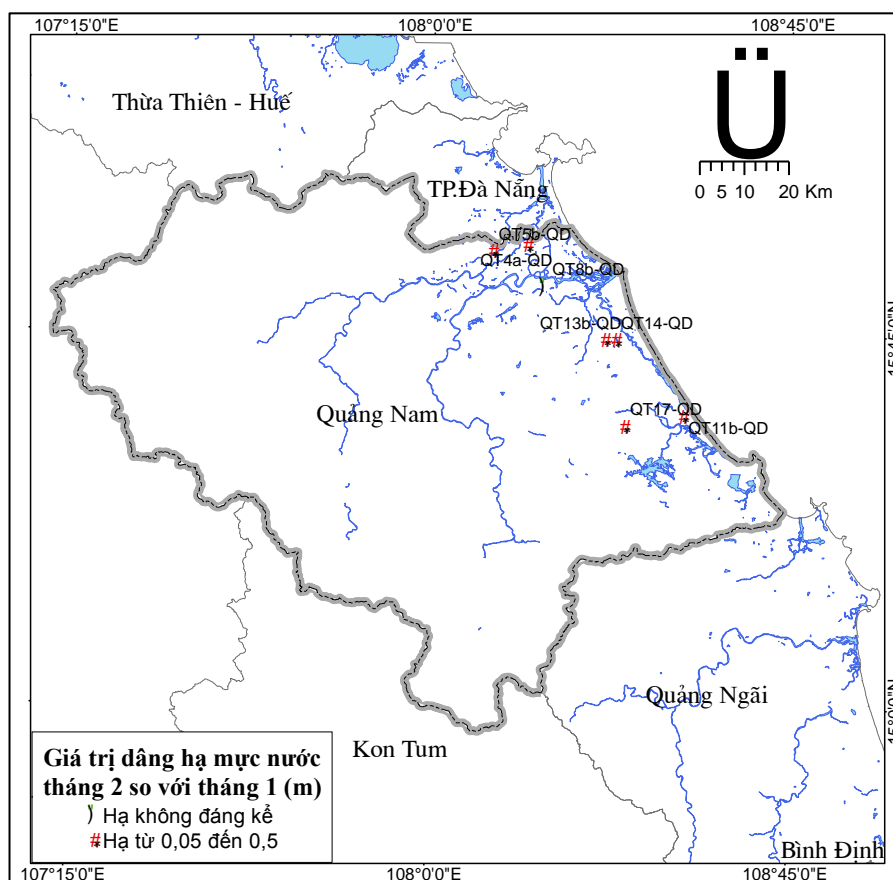
Ngày	xã Bình Minh, huyện Thăng Bình (QT12-QD)			xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT16a-QD)		
	Mức nước thực đo tháng 2	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 2	Mức nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	3,08	3,43	3,63	2,65	3,15	3,42
12	3,16	3,61	3,78	2,72	3,23	3,51
18	3,25	3,76	3,96	2,81	3,31	3,49
24	3,33	3,69	4,01	2,91	3,31	3,44
30		3,60	4,09		3,18	3,43
TB	3,21	3,62	3,89	2,77	3,23	3,46

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

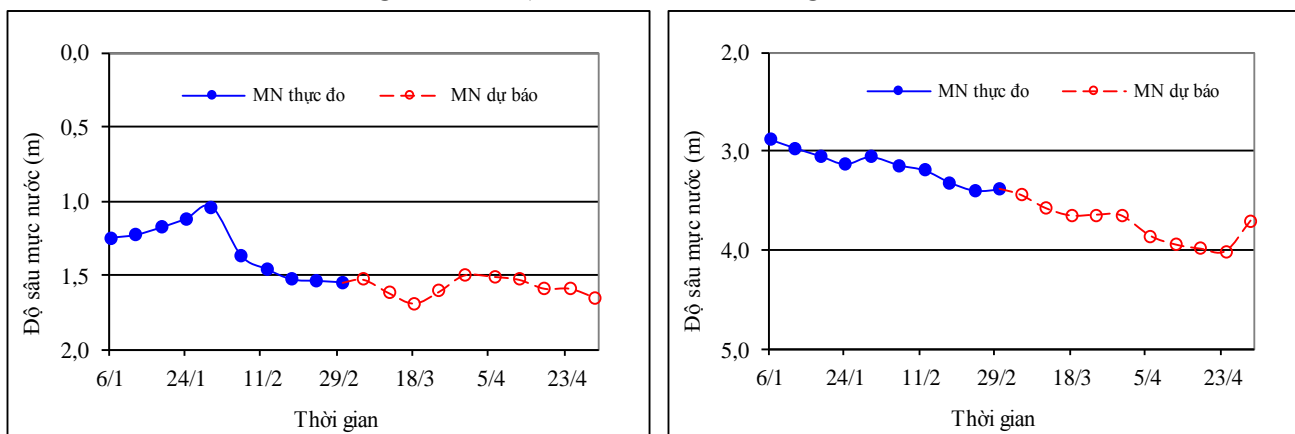
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 2 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 1. Giá trị hạ thấp nhất là 0,31m tại xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 4,92m tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc (QT5b-QD). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,65m tại xã Bình Quý, huyện Thăng Bình (QT14-QD).



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qp

Dự báo: Trong tháng 3, 4 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 10 và bảng 7).



a) xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD) b) xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT11b-QD)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tháng 3, 4 tầng qđ

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qđ (m)

Ngày	xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn (QT4a-QD)			xã Tam Phú, TP Tam Kỳ (QT11b-QD)		
	Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	1,37	1,53	1,51	3,15	3,45	3,86
12	1,46	1,62	1,53	3,20	3,58	3,95
18	1,53	1,69	1,59	3,32	3,66	3,99
24	1,54	1,61	1,59	3,40	3,65	4,02
30		1,50	1,65		3,66	3,71
TB	1,48	1,59	1,57	3,27	3,60	3,91

Cảnh báo: không có cảnh báo

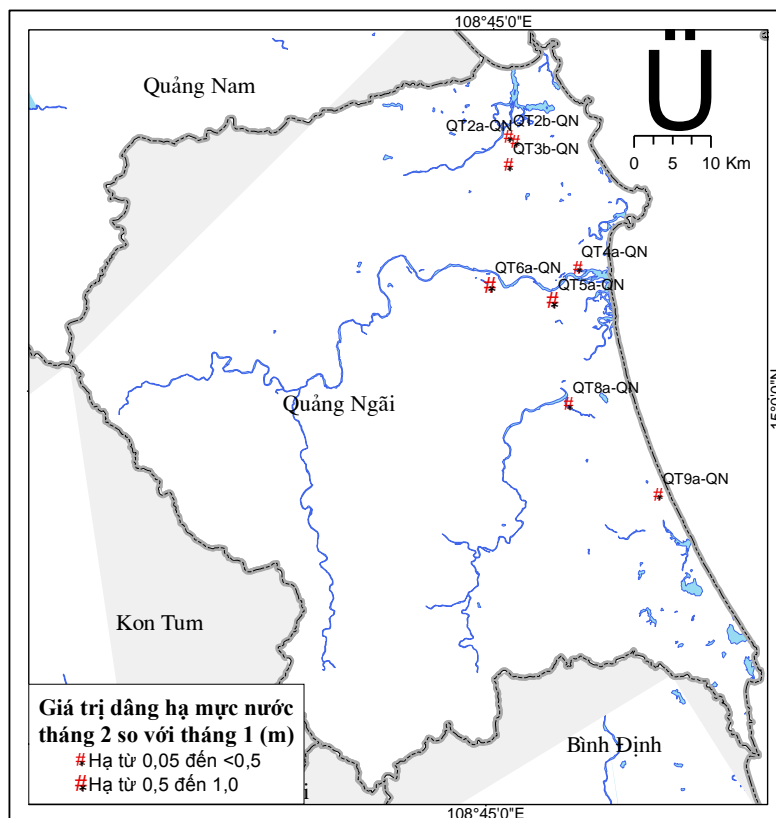
II.3. Tỉnh Quảng Ngãi

II.3.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

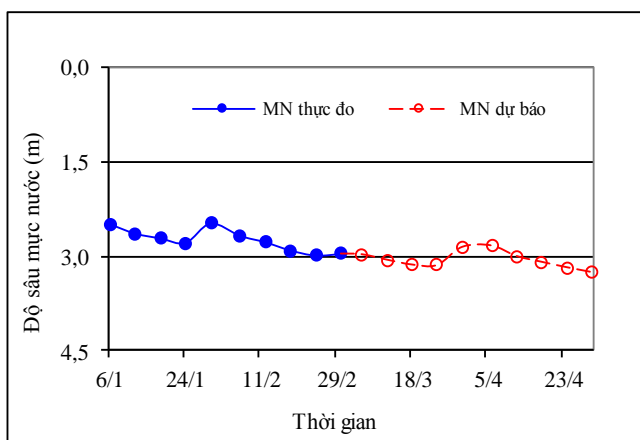
Trong phạm vi tỉnh, mực nước dưới đất tháng 2 có xu thế hạ so với mực nước trung bình tháng 1. Giá trị hạ thấp nhất là 0,60m tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa (QT6a-QN).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,97m tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,45m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN).

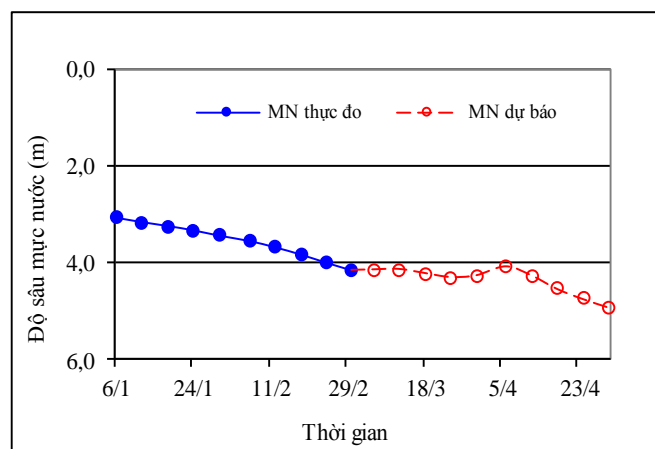
Dự báo: Trong tháng 3, 4 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 8).



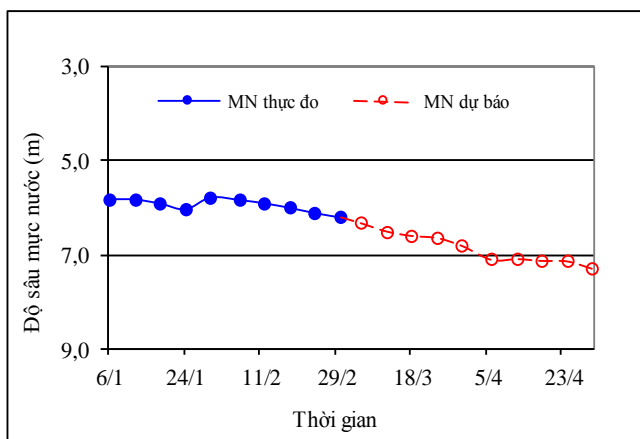
Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng qh



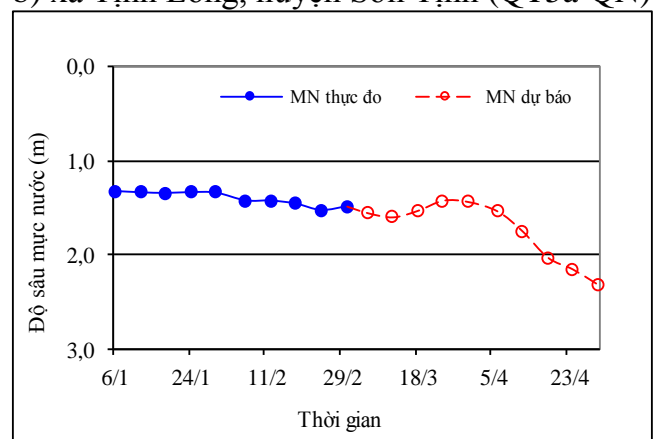
a) xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4a-QN)



b) xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT5a-QN)



c) xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)



d) xã Bình Minh, huyện Bình Sơn (QT3b-QN)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tháng 3,4 tầng qh

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4a-QN)			xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi (QT5a-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	2,68	2,97	2,84	3,56	4,16	4,10
12	2,78	3,06	3,00	3,69	4,15	4,28
18	2,91	3,14	3,09	3,84	4,23	4,55
24	2,99	3,14	3,18	4,01	4,31	4,75
30		2,86	3,26		4,28	4,92
TB	2,84	3,04	3,07	3,78	4,23	4,52

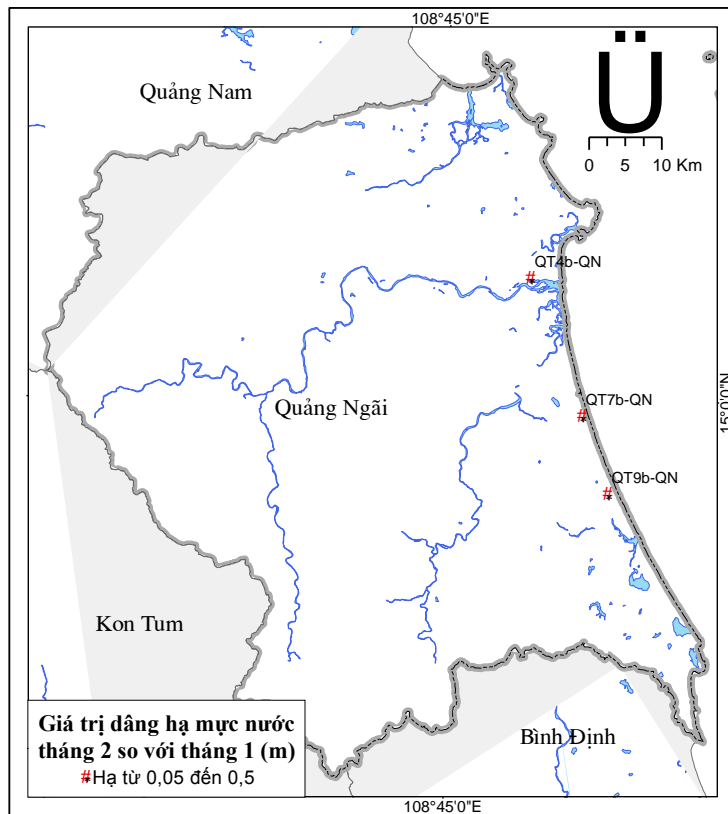
Ngày	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)			xã Bình Minh, huyện Bình Sơn (QT3b-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	5,84	6,35	7,12	1,42	1,56	1,54
12	5,91	6,52	7,10	1,43	1,60	1,75
18	6,01	6,61	7,14	1,46	1,53	2,03
24	6,12	6,65	7,15	1,53	1,42	2,16
30		6,82	7,31		1,44	2,32
TB	5,97	6,59	7,16	1,46	1,51	1,96

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

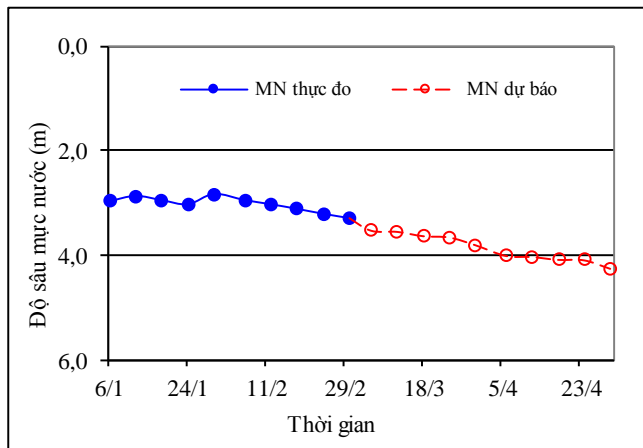
Diễn biến mực nước dưới đất tháng 2 có xu thế hạ so với tháng 1. Giá trị hạ thấp nhất là 0,23m tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,98m tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,90m tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN).

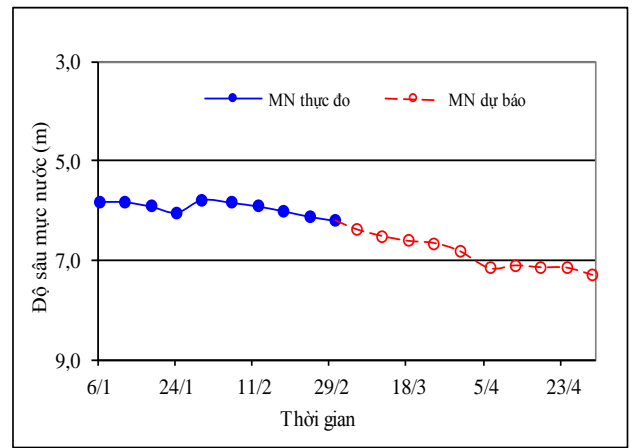


Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 2 tầng q_p

Dự báo: Trong tháng 3, 4 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 14 và bảng 10).



a) xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT8b-QN)



b) xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)

Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tháng 3, 4 tầng q_p

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng q_p (m)

Ngày	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN)			xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)		
	Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 2	Mực nước dự báo	
		Tháng 3	Tháng 4		Tháng 3	Tháng 4
6	2,95	3,53	4,01	5,85	6,39	7,16
12	3,03	3,55	4,03	5,92	6,52	7,11
18	3,12	3,64	4,08	6,02	6,62	7,14
24	3,21	3,66	4,09	6,13	6,66	7,15
30		3,81	4,25		6,82	7,30
TB	3,08	3,64	4,09	5,98	6,60	7,17

Cảnh báo: không có cảnh báo.